

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HC-PT

Ngày 22- 02 – 2022

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong quản lý đất đai về bồi
thường, hỗ trợ và tái định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí
Minh tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý
số: 240/2021/TLPT-HC ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết
định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 77/2021/HC-ST ngày 18 tháng 01 năm
2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2022/QĐ-PT ngày
25/01/2022; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 511/45 đường Trường Chinh, Phường 14, quận T, Thành phố
Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị Thu N**,
sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: Số B25/18 Ấp 2, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;**

Địa chỉ: Số 86 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;**

3. **Ủy ban nhân dân huyện B;**

Địa chỉ: Số 349 đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lê Thị R**, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 4359 East R Street Tacoma, WA 98404 Hoa Kỳ.

2. Ông **Đỗ Nguyễn Quốc H1**, sinh năm 1979;

3. Ông **Đỗ Nguyễn Quốc H2**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số 10/17 đường Trường Chinh, Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số 511/45 đường Trường Chinh, Phường 14, quận T Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A770183 vào sổ cấp giấy số 484/QSDD/1993 (gọi Giấy chứng nhận 484 QSDD/1993) do Ủy ban nhân dân huyện B (gọi Ủy ban Bình Chánh) cấp ngày 15/7/1993, bà Nguyễn Thị Được công nhận quyền sử dụng đối với các thửa số: 1294; 1296; 1485; 1484; 802; 1293; 1297 cùng thuộc bản đồ số 03 tọa lạc tại xã T, huyện B, tổng diện tích 14.484m².

Ngày 30/6/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Ủy ban Thành phố) ban hành Quyết định số 3163/QĐ-UB về thu hồi và giao đất cho Ban chuẩn bị đường sắt nội đô thuộc Sở Giao Thông Công Chánh để chuẩn bị Đầu tư Xây dựng Depot tại xã T, huyện B (gọi Dự án ga Depot).

Ngày 16/03/2006, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B (gọi Ban bồi thường) ban hành Phương án số 152/PA-HĐBT về bồi thường giải phóng mặt bằng của Dự án Đầu tư Xây dựng Depot (gọi Phương án 152/PA-

HĐBT). Phương án được Chủ tịch Ủy ban Bình Chánh phê duyệt theo Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 23/03/2006.

Ngày 18/02/2008, Ủy ban Bình Chánh ban hành Quyết định số 830/QĐ-UBND (gọi Quyết định bồi thường 830/QĐ-UBND) về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại thuộc Dự án Depot tại xã Tg cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đồi với các thửa đất: Thửa số 1036 và một phần thửa số 802 và thửa số 1298 tờ bản đồ số 3, ấp 2 xã T, kèm Phương án số 1015/PABT-BBT ngày 18/10/2007, cụ thể:

- Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm không mặt tiền: $200.000 \text{ đồng} \times 8.856,1 \text{ m}^2 = 1.771.220.000 \text{ đồng}$ (sử dụng năm 1992);

- Hoa màu cây trồng: 1.630.000 đồng;

- Trợ cấp ổn định đời sống: 500.000 đồng.

Tổng cộng: 1.773.350.000 đồng.

Ngày 11/5/2015, Ủy ban Bình Chánh ban hành Quyết định số 3854/QĐ-UBND (gọi Quyết định hỗ trợ 3854/QĐ-UBND) về bồi thường hỗ trợ về đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ (đã chết), kèm Phiếu chiết tính số 2515/PCT-BBT ngày 07/4/2015 của Ban bồi thường, cụ thể: Một phần đường tờ bản đồ số 3 theo tài liệu chỉnh lý năm 1992 bộ địa chính xã T có diện tích $212,6 \text{ m}^2$ đất đường (loại trồng cây lâu năm), với số tiền $212,6 \text{ m}^2 \times 84.000 \text{ đồng} = 17.858.400 \text{ đồng}$.

Không đồng ý giá trị bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định bồi thường 3854/QĐ-UBND, bà Nguyễn Thị B thực hiện việc khiếu nại tại Ủy ban Bình Chánh theo Đơn ngày 09/01/2016.

Ngày 25/4/2016, Chủ tịch Ủy ban Bình Chánh ban hành Quyết định số 2632/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị B (gọi Quyết định 2632/QĐ-UBND). Theo quyết định Chủ tịch Ủy ban Bình Chánh công nhận Quyết định hỗ trợ 3854/QĐ-UBND và bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị B, cụ thể:

- Yêu cầu bồi thường phần đất còn lại với diện tích 417 m^2 (không phải là $212,6 \text{ m}^2$) thuộc thửa 1036 tờ bản đồ số 03 theo tài liệu chỉnh lý năm 1992 bộ địa chính xã T, huyện B.

- Yêu cầu bồi thường đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm không mặt tiền đường theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban thành phố do thực hiện bồi thường chậm.

Không đồng ý với Quyết định 2632/QĐ-UBND, bà Nguyễn Thị B khiếu nại với Chủ tịch Ủy ban Thành phố. Ngày 22/9/2016, Chủ tịch Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định số 4948/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà

Nguyễn Thị B (gọi Quyết định 4948/QĐ-UBND). Theo quyết định Chủ tịch Ủy ban Thành phố công nhận nội dung Quyết định 2632/QĐ-UBND và bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị B. Không đồng ý bà Nguyễn Thị B thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án nhân dân.

- Tại các Đơn khởi kiện ngày 27/9/2016 và ngày 02/11/2016; Các Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/03/2017 và ngày 10/5/2017; Biên bản không tiến hành đối thoại được và các tài liệu chứng cứ kèm theo, người khởi kiện bà Nguyễn Thị B có bà Nguyễn Thị Thu N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về quan hệ gia đình và nguồn gốc nhà – đất của bà Nguyễn Thị B như sau:

Ông Nguyễn Văn K (chết năm 1983) và bà Nguyễn Thị Đ (chết năm 1999) có 5 người con tên:

1/ Nguyễn Ngọc M (sinh 1933);

2/ Nguyễn Đình K (sinh 1939, chết 2017);

3/ Nguyễn Thị K (sinh 1943, chết 2011), có chồng tên Đỗ Văn Q (chết 1997) và 2 người con tên Đỗ Nguyễn Quốc H1 (sinh 1979); Đỗ Nguyễn Quốc H2 (sinh 1980);

4/ Nguyễn Ngọc Đ (sinh 1948, chết 2011);

5/ Nguyễn Thị B (sinh 1954).

Căn cứ theo Văn bản khai nhận di sản ngày 07 và 08 tháng 12 năm 2011 do Văn phòng Công chứng An Lạc lập có số công chứng 0002740 quyền số 01/2011.TP/CC-SCC/HĐGD, những người được thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị Đ là phần quyền tài sản theo Quyết định số 830/QĐ-UBND là ông Nguyễn Ngọc M; ông Nguyễn Đình K; bà Nguyễn Thị K; ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị B.

Tại Giấy cho di sản được thừa kế do ông Nguyễn Ngọc M lập ngày 02/11/2013, được Tổng Lãnh sự Việt Nam tại San Francisco hợp pháp hóa lãnh sự số 404-11/2013 ngày 20/11/2013, ông Nguyễn Ngọc M đã cho vợ là bà Lê Thị R phần tài sản được thừa kế của ông Khai và bà Nguyễn Thị Đ.

Tại Di chúc có số công chứng 20960 quyền số 10 TP/CC-SCC/DC ngày 28 và 31 tháng 10 năm 2011 được lập tại Phòng công chứng số 7 thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Đình K đã định đoạt tài sản của ông được hưởng trong Quyết định số 830/QĐ-UBND cho bà Nguyễn Thị B.

Nguồn gốc đất do bà Nguyễn Thị Đ canh tác từ năm 1961 đến nay. Thực hiện Dự án ga Depot hộ bà Nguyễn Thị B bị thu hồi 8.856,1m². Trong quá trình

giải quyết bồi thường, hỗ trợ, Ủy ban Bình Chánh không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ Bảy, cụ thể:

- Phần diện tích 388,9m² (đất đường): Phần đất này có mục đích sử dụng là đường đi, gia đình bà Nguyễn Thị B tự đắp để đi lại trong thời gian canh tác ruộng lúa và trồng hoa màu từ năm 1961 cho đến ngày bị thu hồi, không phải là đường công cộng do Nhà nước quản lý. Căn cứ theo Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng: Đất 250/2004BC1 ngày 25/7/2014 của Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Bình Chánh (gọi Bản đồ Đất 250/2004BC1), đường (a) và (b) là 388,9m².

- Về đơn giá: Theo Quyết định 2632/QĐ-UBND, Chủ tịch Ủy ban Bình Chánh có nêu phần diện tích 339,6m² nằm giữa thửa 1036 và thửa 802 là đường trong Dự án ga Depot, trong đó có phần diện tích 212,6m², phần diện tích 127m² thuộc thửa 802 đã được cấp giấy cho gia đình bà Nguyễn Thị B thì được bồi thường với đơn giá 200.000 đồng/m². Nếu Ủy ban Bình Chánh tính đơn giá 200.000 đồng/m² đối với phần diện tích 127m² thì phần diện tích 212,6m² cũng phải tính theo đơn giá 200.000 đồng/m² vì phần diện tích này liền kề với phần diện tích 127m² thuộc thửa 802, tình trạng pháp lý giống nhau. Ủy ban Bình Chánh lập đơn giá 84.000 đồng/m² đối với phần diện tích 212,6m² là không hợp lý. Thể hiện trên Bản đồ Đất 250/2004BC1 tại thời điểm bị thu hồi phần đất đường có trồng cây chuối. Quyết định hỗ trợ 3854/QĐ-UBND Ủy ban Bình Chánh chỉ tính bồi thường, hỗ trợ 212,6m² và không tính bồi thường hỗ trợ về cây trồng là không đúng quy định.

- Phần diện tích 108,9m² thuộc thửa 802 tờ bản đồ số 3: Theo Giấy chứng nhận 484/1993, thửa 802 có 1.752m², bị thu hồi 1.643,1m², phần diện tích còn lại 108,9m² phải giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị B, Ủy ban Bình Chánh giải quyết bồi thường cho ông Phan Thanh D là không đúng.

- Phần diện tích 617m² thuộc thửa 1036 tờ bản đồ số 3: Do gia đình bà Nguyễn Thị B quản lý, canh tác ổn định từ năm 1961 cho đến ngày bị thu hồi, gia đình bà Nguyễn Thị B không nhận được bất kỳ văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền về phần diện tích trên là Kênh Thủy Lợi. Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng 732/2008/HĐĐĐ-CNBT ngày 10/02/2009 của Trung tâm kiểm định bản đồ thành phố thì phần diện tích đất trên là ruộng. Trong phần diện tích có 200m² do gia đình bà Nguyễn Thị B tự đào để tháo nước trồng trọt chứ không phải là ruộng do Nhà nước xây dựng và quản lý. Theo Sổ mục kê ruộng đất lập tại xã T ngày 02/7/1984 do bà Nguyễn Thị Đ đăng ký; Theo Công văn 4828/VPĐK-KTĐC ngày 30/03/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố

các thửa 802, 1036,.... thuộc một phần bằng khoán số 260 tờ bản đồ số 2 Tân Kiên theo tài liệu trước 1975; Theo Trích sao sổ điền thổ số 70/TS-VPĐK-LT ngày 05/03/2018 phần đất trên do bà Nguyễn Thị Đ đăng ký loại đất nông nghiệp. Ủy ban Bình Chánh không tính bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị B phần diện tích này là thiệt hại đến quyền lợi của gia đình bà Nguyễn Thị B.

Từ các lý do trên bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hỗ trợ 3854/QĐ-UBND; Quyết định 2632/QĐ-UBND và Quyết định 4948/QĐ-UBND. Buộc Ủy ban Bình Chánh phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị B đối với các phần diện tích đất 108,9m²; 388,9m² và 617m² theo đơn giá đất nông nghiệp, cây trồng hoa màu trên phần đất đường 388,9m² theo quy định pháp luật.

- *Người bị kiện:*

1. *Tại Văn bản số 977/UBND-NCPC ngày 27/02/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B như sau:*

Do không đồng ý với Quyết định hỗ trợ 3854/QĐ-UBND và Quyết định 2632/QĐ-UBND, bà Nguyễn Thị B gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban Thành phố. Căn cứ kết quả xác minh, Ủy ban Thành phố nhận thấy: Thực hiện Dự án ga Depot, phần đất của hộ bà Nguyễn Thị B sử dụng bị ảnh hưởng là đường (a) có diện tích 212,6m² thuộc tờ bản đồ số 3 (tài liệu 02/CT-UB) và phần kênh thủy lợi có diện tích 417m² thuộc thửa 1036 tờ bản đồ số 3 (tài liệu 02/CT-UB) thuộc Bộ địa chính xã T.

Căn cứ Bản đồ Đất 250/2004BC1, phần đất thuộc thửa 1036 là Kênh thủy lợi, phần đường (a) có vị trí nằm giữa thửa 1036 và thửa 802. Căn cứ biên bản xác minh ngày 06/4/2014 do Ủy ban xã T lập đối với 10 hộ dân phần đất thuộc thửa 1306 sau 30/4/1975 gia đình bà Nguyễn Thị Đ sử dụng toàn bộ với mục đích cấy lúa bờ thông hào thì trồng cải. Theo Công văn 624/UBND ngày 16/7/2014 (gọi Công văn 624/UBND) của Ủy ban xã, vị trí thửa 1036 thuộc nhánh kênh thủy lợi của rạch Bàu Gốc tờ bản đồ số 2 (TL 299/TTg) do Ủy ban xã quản lý; Theo tài liệu 1992 là đất Thủy Lợi do Ủy ban xã quản lý; theo tài liệu bản đồ địa chính, vị trí khu đất thuộc thửa 166 tờ bản đồ số 52 loại đất Ao do Ủy ban xã quản lý. Căn cứ Công văn 249/UBND ngày 03/4/2015, Ủy ban xã xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng phần diện tích 212,6m² thuộc đường đi có vị trí giữa thửa 802 và thửa 1036: Theo tài liệu 299/TTg, vị trí khu đất thuộc nhánh

kênh thủy lợi của rạch Bàu Gốc, tờ bản đồ số 2 do Ủy ban xã quản lý; Theo tài liệu chính lý 1992 vị trí khu đất thuộc phần đường đi công cộng giữa thửa 1036 và thửa 802 do Ủy ban xã quản lý; Theo bản đồ địa chính 2004, vị trí khu đất thuộc phần đường giao thông giữa thửa 128 và thửa 166 tờ bản đồ 52 do Ủy ban xã quản lý. Theo Giấy chứng nhận 484QSDĐ/1993 là phần đường công cộng, không công nhận cho bà Nguyễn Thị Đ. Bà Nguyễn Thị B yêu cầu bồi thường theo đơn giá 250.000đồng/m² không có cơ sở xem xét.

Theo Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 17/8/2016 do Thanh tra Thành phố lập, phần đất thuộc thửa 1036 hiện nay do dự án đã hoàn thành, hiện trạng phần còn lại tại thời điểm kiểm tra là con mương có chiều ngang khoảng 4m, chiều dài khoảng 50m và độ sâu khoảng 60cm. Bà Nguyễn Thị B yêu cầu bồi thường phần diện tích 417m² thuộc thửa 1036 theo đơn giá 250.000 đồng/m²: Căn cứ tài liệu qua các thời kỳ thể hiện, phần đất này đều do Ủy ban xã quản lý và không được công nhận theo Giấy chứng nhận 484QSDĐ/1993.

Thửa 1036 có diện tích 617m² trong đó hộ bà Nguyễn Thị Đ sử dụng 417m², nguồn gốc là giao thông hào áp chiến lược từ năm 1962, sử dụng vào mục đích công cộng, sau năm 1975 sử dụng vào mục đích công cộng thoát nước thủy lợi nội đồng trên địa bàn ấp 2 do Nhà nước trực tiếp quản lý, bà Nguyễn Thị Đ lấn chiếm sử dụng từ sau ngày 30/4/1975 để cấy lúa.

Quyết định 4948/QĐ-UBND, Chủ tịch Ủy ban Thành phố ban hành đúng quy định, đề nghị giữ nguyên.

2. Tại Văn bản số 1451/UBND ngày 16/6/2017, Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B như sau:

Liên quan đến phần diện tích đất đường 212,6m² và phần diện tích 617m² Ủy ban Bình Chánh và Chủ tịch Ủy ban Bình Chánh có lời trình bày giống Chủ tịch Ủy ban Thành phố.

Về phần diện tích 108,9m² thuộc thửa 802: Căn cứ Tờ tự khai nguồn gốc sử dụng căn nhà, khu đất bị thu hồi giải tỏa do ông Phan Thanh D trực tiếp kê khai có xác nhận của Ủy ban xã ngày 13/6/2005; Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 24/10/2007 do Công ty cổ phần tư vấn và Đầu tư Bình Chánh lập. Ngày 30/10/2008, Ban bồi thường phối hợp cùng Ủy ban xã, Trung tâm kiểm định bản đồ và Tư vấn Tài nguyên Môi trường tiến hành đo đạc thực tế lại phần đất thuộc thửa 802 và thửa 1036 theo sự hướng dẫn ranh mốc của ông Nguyễn Ngọc Đ và

các hộ có đất liền kề bị ảnh hưởng trong Dự án ga Depot là ông Nguyễn Thanh Xuân; ông Phan Thanh D và ông Trương Văn Ba.

Căn cứ các pháp lý nêu trên, ngày 25/12/2008 Ban bồi thường đã lập Bảng chiết tính số 966/BCT-BBT về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phan Thanh D trong đó có thửa 802 có diện tích 108,9m² và Ủy ban Bình Chánh ban hành Quyết định số 2324/QĐ-UBND giải quyết bồi thường cho hộ ông Phan Thanh D.

Ủy ban Bình Chánh và Chủ tịch Ủy ban Bình Chánh vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định hỗ trợ 3854/QĐ-UBND và Quyết định 2632/QĐ-UBND. Đề nghị, Tòa án xét xử theo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Thành phố tại Công văn số 977/UBND-NCPC ngày 27/02/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị R; ông Đỗ Nguyễn Quốc H1 và ông Đỗ Nguyễn Quốc H2 có bà Nguyễn Thị B đại diện theo ủy quyền có ý kiến và đề nghị giống người khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 77/2021/HC-ST ngày 18/01/2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; điểm a Khoản 2 Điều 116; điểm g Khoản 1 Điều 143; Khoản 1 Điều 158; Khoản 2 Điều 173 và điểm a Khoản 2 Điều 193; Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2003; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Người cao tuổi; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu hủy các quyết định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ về đất và giải quyết khiếu nại, cụ thể:

1.1/ Quyết định số 3854/QĐ-UBND ngày 11/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường hỗ trợ thiệt hại về đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ (Đã chết năm 1999), địa chỉ thường trú: B9/14 ấp 2 xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa: Một phần đường từ bản đồ số 03 theo tài liệu chính lý năm 1992 bộ địa chính xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án đầu tư xây dựng Depot tại xã T, huyện B;

1.2/ Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (đại diện

hàng thừa kế hộ bà Nguyễn Thị Đ, đã chết năm 1999), cư trú tại 511/45 đường Trường Chinh, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Lần đầu);

1.3/ Quyết định số 4948/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (đại diện hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ, đã chết năm 1999) (Lần 2).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 108,9m² còn lại của thửa 802 tờ bản đồ số 3, loại đất 2 lúa.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/01/2021 người khởi kiện bà Nguyễn Thị B làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện cho bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tổ tụng hành chính; các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị B: Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy việc Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị B cũng không xuất trình chứng cứ gì mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Lời khai của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ, bởi các lẽ sau:

[1] Đối với phần diện tích 108,9m² còn lại của thửa 802 :

Căn cứ Bản đồ Đất 250/2004BC1, tại thửa 802-2 phần đất còn lại là 108,9m², bà Nguyễn Thị B cho rằng là đất của gia đình bà yêu cầu Ủy ban Bình Chánh phải giải quyết bồi thường cho gia đình bà. Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí

tỷ lệ 1/500, Sổ hợp đồng Đất 250/2004.BCI, Công ty cổ phần tư vấn và Đầu tư Bình Chánh đo vẽ ngày 24/10/2007 và Sơ đồ vị trí vẽ tay thể hiện tại Biên bản làm việc của Ban bồi thường ngày 30/10/2008 đối với thửa 802 và thửa 1036 thì tại thửa 802 có phần diện tích $108,9m^2$ với hiện trạng là hàng rào nhà lưới B40, gạch xây, cột BTCT ông Phan Thanh D đang sử dụng, trên đất có công trình nhà ở, các ông Phan Thanh D; ông Nguyễn Ngọc Đ và ông Trương Văn B trực tiếp hướng dẫn đo đạc và các hộ đã thống nhất theo ranh mốc đã xác định. Tờ tự khai nguồn gốc của ông Phan Thanh D ngày 19/6/2007, ông Phan Thanh D mua của ông Trương Văn Thái vào năm 2002, tại thời điểm mua trên đất có nhà được xây dựng 1993, địa phương xác nhận trong quá trình sử dụng không bị tranh chấp. Tại Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 04/5/2009 phần diện tích trên Ủy ban Bình Bình Chánh đã giải quyết bồi thường cho hộ ông Phan Thanh D. Tại Biên bản kiểm tra, kiểm kê thực tế, xác nhận hiện trạng ngày 26/01/2005 tổ công tác tiến hành kiểm tra thực tế hiện trạng các thửa 1298, 802 và 1036 là đất trồng. Theo Quyết định bồi thường 830/QĐ-UBND hộ bà Nguyễn Thị B chỉ bị thu hồi một phần thửa 802, phần diện tích còn lại thể hiện trên Bản đồ Đất 250/2004BC1 là thửa 802-2 là $108,9m^2$ Ủy ban Bình Chánh giải quyết bồi thường cho hộ ông Phan Thanh D. Như vậy, đất thuộc một phần thửa 802 mà Ủy ban Bình Chánh thu hồi để thực hiện Dự án ga Depot của hộ bà Nguyễn Thị B không có phần diện tích $108,9m^2$ thuộc thửa 802-2. Quyết định bồi thường 830/QĐ-UBND đã có hiệu lực, các hàng thửa kế của bà Nguyễn Thị Đ ông khai đã thống nhất khai nhận di sản thừa kế theo Văn bản khai nhận di sản có số công chứng 0002740 quyền số 01/2011.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng An Lạc lập ngày 07 và 08 tháng 12 năm 2011. Yêu cầu buộc Ủy ban Bình Chánh tính bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị B đối với phần diện tích $108,9m^2$ còn lại của thửa 802 không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Phần diện tích $212,6m^2$ thể hiện qua tài liệu: Tài liệu 299/TTg, vị trí thuộc nhánh kênh thủy lợi của Rạch Bàu Gốc tờ bản đồ số 2 do Ủy ban xã T quản lý; Tài liệu chỉnh lý 1992, vị trí khu đất thuộc phần đường bờ mương giữa thửa 1306 và thửa 802 tờ bản đồ số 3 do Ủy ban xã T quản lý; Tài liệu Bản đồ địa chính năm 2004, vị trí khu đất thuộc phần đường giao thông (giữa thửa 128 và thửa 166) thuộc tờ bản đồ số 52 do Ủy ban xã T quản lý; Bản đồ 250/2004BCL điều chỉnh năm 2014 phần diện tích trên thuộc đường đi có hiện trạng sử dụng trồng rau cải. Theo Giấy chứng nhận 484QSDĐ/1993 là đường đi công cộng không công nhận cho bà Nguyễn Thị Đ. Tại Khoản 2 Phần B của Biên bản họp

Hội đồng số 9014/STC-HĐ-BVG ngày 15/8/2008 của Hội đồng Thẩm định bồi thường thành phố đã thống nhất kết luận: *“Trường hợp hộ dân lấn chiếm kênh rạch hợp pháp để trồng trọt, be bờ nuôi cá đã vi phạm quy hoạch kênh rạch, nay bị thu hồi đất phải di dời thì không được tính bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích kênh rạch lấn chiếm, chỉ được hỗ trợ về cây trồng, hoa màu (nếu có). Giao Ủy ban nhân dân huyện B (Hội đồng bồi thường của Dự án) tổ chức kiểm kê, điều tra cây trồng, hoa màu của các hộ dân và căn cứ Bảng phụ lục về đơn giá ...để tính bồi thường theo quy định”*. Theo quy định này thì ngoài việc tính hỗ trợ 212,6m² đất đường theo Quyết định hỗ trợ 3854/QĐ-UBND, bà Nguyễn Thị B còn phải được hỗ trợ thêm về cây trồng, hoa màu trên. Tuy nhiên, theo Biên bản kiểm kê hiện trạng năm 2005 phần kiểm kê hoa màu cây trồng không thể hiện trên đất có trồng chuối, trồng lúa hay trồng rau cải. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc buộc Ủy ban Bình Chánh phải tính bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 388,9m² nằm giữa thửa 802 và thửa 1036 theo đơn giá đất nông nghiệp và hỗ trợ thêm về cây trồng, hoa màu trên.

[3] Phần diện tích 617 m² nương thuộc thửa 1036:

Theo tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB thuộc thửa 1036 tờ bản đồ số 3 xã T, huyện B; Theo tài liệu trước 1975 thuộc một phần bằng khoán số 260 tờ bản đồ số 2, Tân Kiên. Theo Giấy chứng nhận 484QSDĐ/1993, ở trang 3 phần sơ đồ vị trí thửa đất có thửa 1036 mô tả là rạch. Tuy nhiên, tại Bảng liệt kê ở trang 2 Ủy ban Bình Chánh không công nhận thửa đất 1036. Căn cứ Trích sao sổ điền thổ số 215/TS-VPĐK-LT ngày 30/6/2017 thuộc bằng khoán do bà Nguyễn Thị Đ đứng bộ. Tại Biên bản xác minh ngày 06/4/2014 của Ủy ban xã T lấy ý kiến các hộ dân đang cư ngụ tại ấp 2 xã T, các hộ dân có ý kiến đối với phần diện tích 617 m² thuộc thửa 1036 như sau: *“Năm 1960-1961 là đất của gia đình bà Nguyễn Thị Đ do chế độ củ lấy làm thông hào ấp chiến lược. Năm 1964 được sự chỉ đạo của Cách Mạng người dân tự phát hủy bờ đê ấp chiến lược (ban sa bờ). Năm 1968, khu vực này không có dân ở nhưng ruộng vẫn canh tác. Sau năm 1968 dân cư vẫn quay về ban ngày ban đêm đi tránh đạn (có gia đình bà Nguyễn Thị Đ). Sau ngày 30/4/1975, gia đình bà Nguyễn Thị Đ vẫn sử dụng toàn bộ phần đất trên cho đến nay với mục đích cấy lúa bờ thông hào thì trồng cải...”*. Tại Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 17/8/2016 do Thanh tra thành phố lập hiện trạng tại thời điểm kiểm tra”... là nương có chiều ngang khoảng 4m, chiều dài khoảng 50m thông ra rạch Bàu Gốc. Giữa nương và rạch Bàu Gốc có con đường đất 1m vào

nhà.”. Theo tài liệu 299/TTg, vị trí phần đất thuộc nhánh Thủy lợi của rạch Bàu Gốc, tờ bản đồ số 2 do Ủy ban xã T đăng ký quản lý. Theo tài liệu chính lý 1992 phần đất trên là đất TL do Ủy ban xã T đăng ký. Như vậy, tính khoảng thời gian trước năm 1961 phần diện tích này là của gia đình bà Nguyễn Thị Đ, nhưng đã bị chế độ cũ thu hồi làm thông hào ấp chiến lược, qua các thời kỳ đăng ký theo chính sách quản lý đất đai của Nhà nước cho đến ngày thu hồi thực hiện Dự án ga Depot vẫn do Ủy ban xã T đăng ký. Hơn nữa, năm 1993 khi được cấp Giấy chứng nhận 484QSDĐ/1993 phần đất vẫn hiện trạng là nương rạch không được công nhận. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc buộc Ủy ban Bình Chánh phải tính bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 617m² nương thuộc thửa 1036 theo đơn giá đất nông nghiệp.

Từ phân tích trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2021/HCST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu hủy các quyết định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ về đất và giải quyết khiếu nại, cụ thể:

1.1/ Quyết định số 3854/QĐ-UBND ngày 11/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường hỗ trợ thiệt hại về đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ (Đã chết năm 1999), địa chỉ thường trú: B9/14 ấp 2 xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa: Một phần đường tờ bản đồ số 03 theo tài liệu chính lý năm 1992 bộ địa chính xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án đầu tư xây dựng Depot tại xã T, huyện B;

1.2/ Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (đại diện

hàng thừa kế hộ bà Nguyễn Thị Đ, đã chết năm 1999), cư trú tại 511/45 đường Trường Chinh, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Lần đầu);

1.3/ Quyết định số 4948/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (đại diện hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ, đã chết năm 1999) (Lần 2).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 108,9m² còn lại của thửa 802 tờ bản đồ số 3, loại đất 2 lúa.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM(1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM(1);
- TAND TP.HCM(1);
- VKSND TP.HCM(1);
- Cục THADS TP.HCM(1);
- NKK(1);
- NBK(3);
- NLQ (1)
- Lưu HS (1), VP (2) N.THUY 15b.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thành Văn